

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2019
V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Chiến

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị L, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Ấp AT, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Ấp AT, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Nhựt T tự nguyện cưới nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/5/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống hạnh phúc đến khi con trai khoảng 07 tuổi thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, gây gổ, anh T không có trách nhiệm với vợ con, dần dần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị đã

cố gắng chịu đựng vì con nhưng nay không chịu đựng được nữa nên chị và anh T đã ly thân từ hơn 06 tháng nay. Trong thời gian ly thân, hai bên cũng không có thiện chí hàn gắn. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn Nhật T nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung Nguyễn Nhật K, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 07/5/1997. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2019, anh T trình bày:

Anh và chị L tự nguyện cưới nhau năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thủy vào năm 2012. Quá trình chung sống, anh và chị L sống hạnh phúc nhưng sau này xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị L đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Hiện anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: có 02 con chung như chị L trình bày và đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Hiện chưa xác định được. Ngoài ra, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về thời gian cưới, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, chị L và anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Con chung: Nguyễn Nhật K, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 07/5/1997, hiện đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Vì vậy, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu T bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Nhật T và anh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Nhật T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị L và anh Nguyễn Nhật T cưới nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2012. Do đó, hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Kết quả xác minh tại địa phương mặc dù không thể hiện rõ mâu thuẫn giữa chị L và anh T nhưng qua làm việc với cả hai đã thể hiện giữa chị L và anh T là có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị L khẳng định mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu và hiện mâu thuẫn đã trầm trọng và cương quyết ly hôn cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa cũng như không đến gặp chị L để thể hiện thiện chí hàn gắn cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn cùng chị L. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX xét thấy yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 07/5/1997. Hiện con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L cho rằng chị và anh T đã thỏa thuận về nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh T cũng không xác định được vấn đề nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết về nợ chung.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Hồ Thị L ly hôn với anh Nguyễn Nhật T

2. Con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Thị Thùy N, sinh ngày 07/5/1997. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001887 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Thủy (Ba Tri – Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng